

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **857/2018/DSPT**
Ngày: 25/9/2018
V/v “*Tranh chấp chia tài sản
chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử Pc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Thủy

Ông Vũ Bảo Nguyên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Long Tiền Nhật

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, ngày 21 và ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử Pc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 222/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2018

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2011/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3780/2018/QĐPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 7111/2018/QĐPT-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 7146/2018/QĐPT-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Bà **Lại Thị U (Có mặt)**

Địa chỉ: A 8/7 ấp 1, xã Q, huyện B, Thành phố H

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Sơn L – Luật sư Công ty Luật hợp danh N, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (Có mặt)

Địa chỉ: E8/3 đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố H

2. Bà **Lại Thị V (Có mặt)**

Địa chỉ: E 13/411 ấp 5, xã Đ, huyện B, Thành phố H

Bị đơn: Ông **Lại Văn T (Có mặt)**

Địa chỉ: D 10/303 ấp 4, xã Đ, huyện B, Thành phố H

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị C (Vắng mặt tại phiên tòa ngày 25/9/2018)

2. Ông Lại Văn P (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

3. Ông Lại Duy P (Có mặt)

4. Bà Lại Thị Thúy L (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: D10/303 ấp 4, xã Đ, huyện B, Thành phố H

5. Bà Lại Thị Thu H

Địa chỉ: D10/303 ấp 4, xã Đ, huyện B, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền: Ông Chung Quang T (Có mặt)

Địa chỉ: A2/32 ấp 1, xã P, huyện B, Thành phố H

6. Ông Lại Văn B (đã chết ngày 20/6/2017)

Địa chỉ: E 13/388 ấp 5, xã Đ, huyện B, Thành phố H

Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng:

1. Bà Nguyễn Thị T (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: E 13/388 ấp 5, xã Đ, huyện B, Thành phố H

2. Bà Lại Thị Ngọc H (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 14/23A, ấp 4, xã T, huyện B, Thành phố H

3. Bà Lại Thị Ngọc Đ (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: E 13/388 ấp 5, xã Đ, huyện B, Thành phố H

4. Lại Thị D (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: B3/72A, xã Đ, huyện B, Thành phố H

5. Bà Lại Thị M (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: E 13/388 ấp 5, xã Đ, huyện B, Thành phố H

6. Ông Lại Phước S (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: E 13/388 ấp 5, xã Đ, huyện B, Thành phố H

7. Ông Lại Phước T (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: A3/101A, ấp 1, xã Đ, huyện B, Thành phố H

NHẬN THẤY:

Nguyên đơn trình bày: Ông Lại Văn D (sinh năm: 1910, mất năm: 1973) và bà Nguyễn Thị C (sinh năm: 1913, mất năm: 1986) có bốn người con: Lại Văn B, Lại Văn T, Lại Thị U, Lại Thị V. Ông D và bà C chết không để lại di chúc. Lúc còn sống, ông Danh và bà Chấn có tạo lập được khối tài sản gồm 5.928 m² đất thuộc thửa 359, 358, 360, 428 tờ bản đồ số 5 và thửa 544, tờ bản đồ số 12, xã Đ. Sau khi ông D và bà C chết thì anh em trong gia đình thỏa thuận cử ông T đứng ra đại diện cho hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN) và quản lý tài sản chung của cha mẹ để lại. Vào tháng 5/2009 bà U và bà V cùng ông T ra UBND xã Đ để phân chia đất thuộc tài sản chung của cha mẹ để lại. Theo đó các bên thống nhất đồng ý là ông T chia cho bà U 200 m² đất thổ vườn và bà V là 200 m² đất thổ vườn. Bà V và bà U trả lại cho ông T tiền san lấp mặt bằng của phần đất mà bà U và bà V được chia là 40 T đồng. Việc phân chia này được cán bộ

địa chính xã xác định vị trí đất cụ thể và các bên cũng thống nhất đồng ý (có vẽ sơ đồ vị trí cụ thể phần đất chia trên GCN. Sau đó Ban địa chính đến đo vẽ đất để làm thủ tục tách thửa cho bà U và bà V nhưng các con của ông T ngăn cản không cho và giữa các bên phát sinh tranh chấp. Cho tới nay bà U và bà V đã nhiều lần liên hệ phía ông T làm thủ tục giao cho bà U 200 m² và bà V 200 m² đất thuộc thửa đất 544, tờ bản đồ số 12, xã Đ theo thỏa thuận nhưng phía ông T từ chối, không chịu thực hiện theo thỏa thuận ban đầu. Bà U và bà V xác định khi ông Danh và bà Chấn chết để lại di sản là phần đất có diện tích 5.928 m² đất thuộc thửa 359, 358, 360, 428 tờ bản đồ số 5 và thửa 544, tờ bản đồ số 12, xã Đ nhưng hiện nay T bộ phận đất này ông T đang quản lý sử dụng, ông T chưa có chia cho bà U và bà V.

Bà U và bà V khởi kiện ông T yêu cầu ông T chia tài sản chung của cha mẹ để lại, cụ thể là chia cho bà U và bà V mỗi người một phần đất có diện tích lại 200 m² đất thuộc thửa 544 tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện B, thành phố H.

Bị đơn trình bày: Ông Lại Văn D (sinh năm: 1910, mất năm: 1970) và bà Nguyễn Thị C (sinh năm: 1913, mất năm: 1986) có bốn người con: Lại Văn B, Lại Văn T, Lại Thị U, Lại Thị V. Ông D và bà C chết không để lại di chúc và không để lại bất kỳ di sản nào. Phần đất có diện tích 5.928 m² thuộc thửa 359, 358, 360, 428 tờ bản đồ số 5 và thửa 544 tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện B nguyên trước giải phóng năm 1975 ông ngoại của ông T sử dụng theo diện thuê của người khác để canh tác. Sau khi ông ngoại ông T chết thì mẹ của ông T sử dụng. Sau khi mẹ ông T chết thì ông T sử dụng, khi pháp luật về đất đai được ban hành. Năm 1995, nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho các thành viên trong hộ gia đình của ông T. Nay ông T xác định là khi ông Danh và bà Chấn chết không có để lại bất kỳ di sản nào. Phần đất có diện tích 5.928 m² thuộc thửa 359, 358, 360, 428 tờ bản đồ số 5 và thửa 544 tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện B không phải là di sản thừa kế của ông Danh và bà Chấn để lại mà là tài sản của hộ gia đình ông T. Năm 1995, hộ gia đình ông T đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp GCN phần đất trên cho hộ ông T, gồm ông T, bà C, ông P, ông P, bà L, bà H. Phần đất thuộc thửa 544, tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện B trước đây không được san lấp như bây giờ, cụ thể là từ năm 2002 trở về trước chỉ có 300 m² đất, xung quanh là rạch, ao, hồ. Sau đó, gia đình ông T đã san lấp từ năm 2002 đến nay. Bà U và bà V khởi kiện yêu cầu ông T chia tài sản chung của cha mẹ để lại mỗi người là 200 m² đất thuộc thửa 544, tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện B ý kiến ông T không đồng ý T bộ phận đất này của bà Lại Thị U và bà Lại Thị V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Hồ Thị C, ông Lại Văn P, ông Lại Duy P, bà Lại Thị Thúy L, bà Lại Thị Thu H trình bày cùng ý kiến với ông Lại Văn T.

Ông Lại Văn B trình bày: Ông là con của ông Lại Văn Danh và bà Nguyễn Thị Chấn. T bộ phận đất mà gia đình ông T đang quản lý sử dụng có nguồn gốc của cha mẹ để lại gồm 3200 m² đất ruộng và 2.000 m² đất thổ vườn thuộc thửa đất số 544, tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện B tọa lạc tại D 10/303 ấp 4, xã Đ, huyện B, Tp. H. Sau khi cha mẹ chết thì các anh em trong gia đình thống nhất để phần đất lại cho ông T canh tác giữ đất và cúng giỗ ông bà cho đến nay chưa chia cho các anh em trong gia đình. Bà U và bà V yêu cầu ông T chia lại phần đất của bố mẹ để có nơi ở thì ông xác định ông không có tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2011/DSST ngày 29/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện B đã xử:

Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị U và bà Lại Thị V về việc bà Lại Thị U và bà Lại Thị V yêu cầu ông Lại Văn T chia tài sản chung của cha mẹ để lại cho bà Lại Thị U và bà Lại Thị V mỗi người 200 m² đất thuộc thửa 544, tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện B, Thành phố H;

Theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở tài nguyên thành phố H đo ngày 13/10/2010.

Bà Lại Thị U, Lại Thị V và các thành viên trong hộ gia đình ông Lại Văn T, có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng phần đất có diện tích 200 m² thuộc thửa 544, tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện B, Tp. H S cho bà Lại Thị U, Lại Thị V.

Bà Lại Thị U, bà Lại Thị V có trách nhiệm trả cho các thành viên trong hộ gia đình ông T, số tiền 53.330.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bà U và bà V được đứng tên trên GCN mà bà U và bà V được chia.

Ngày 10/01/2012 ông Lại Văn T kháng cáo T bộ án sơ thẩm

Tại Bản án Pc thẩm số 453/2012/DS-PT ngày 03/5/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố H, đã xử: Sửa án sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn

Tại Bản án giám đốc thẩm số 28/2017/DS-GĐT ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định bản án Pc thẩm xử không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn là không đúng. Hủy Bản án Pc thẩm số 453/2012/DSPT ngày 03/5/2012 để giải quyết lại.

Tại phiên tòa:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, vì đất đã có giấy chứng nhận cấp cho hộ gia đình ông T, gia đình ông đã có quá trình sử dụng đất lâu dài. Không phải đất của cha mẹ để lại để thừa kế.

- Nguyên đơn yêu cầu y án sơ thẩm. Đối với giấy chứng nhận đã cấp cho ông T thì đề nghị hủy bỏ để phân chia điều chỉnh lại diện tích 2.200m² thuộc thửa 544, tờ bản đồ số 12 xã Đ, huyện B, chuyển cho bà V 200m² và bà U 200m².

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – các thành viên trong hộ gia đình của ông T cùng ý kiến với ông T.

- Các thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B cùng ý kiến với ông B khi ông B còn sống, không tranh chấp

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Về nội dung: năm 2002 gia đình vợ con của ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 544 tờ bản đồ 12, xã Đ huyện B, diện tích 2.200m² (6 thành viên), nhưng đến năm 2009 chị em của ông T mới tranh chấp tài sản chung cho rằng đất của gia tộc. Sự thỏa thuận giữa cá nhân ông T không thông qua 6 thành viên để chuyển 400m²/2.200m² đất cho chị em bà V, bà U là không đúng. Diện tích đất sau khi tách thửa không đúng qui định 19/2009/QĐ-UBND ngày 25/02/2009 của UBND Tp.HCM. Tại phiên tòa bà V có yêu cầu hủy bỏ giấy chứng nhận của ông T để chia lại đất cho bà U, bà V. Đề nghị hủy án sơ thẩm, đưa UBND huyện B vào tham gia tố tụng.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông T làm trong hạn luật định, nên chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T:

Diện tích đất 400m²/2.200m² tranh chấp thuộc thửa 544 tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã Đ, huyện B, TPHCM đã được UBND huyện B cấp GCN vào sổ số 155/QSDĐ/ĐP ngày 01/7/2002 cho hộ gia đình ông Lại Văn T. Theo sổ hộ khẩu thường trú năm 1982 (mẫu NK3) hộ gia đình ông T gồm 6 thành viên là vợ và các con của ông T: ông Lại Văn T, bà Hồ Thị C, ông Lại Văn P, ông Lại Duy P, bà Lại Thị Thúy L, bà Lại Thị Thu H.

Nguyên đơn – bà Lại Thị V, Lại Thị U cho rằng nguồn gốc đất của cha mẹ để lại. Bà V, bà U căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 27/5/2009... *ông T đồng ý cắt chia cho bà Lại Thị U và bà Lại Thị V mỗi người 200 m²....* Từ đó bà V, bà U yêu cầu ông T phân chia quyền sử dụng đất của cha mẹ để lại.

Cụ ông Lại Văn Danh và cụ bà Nguyễn Thị Chấn có bốn người con, gồm Lại Văn B, Lại Văn T, Lại Thị V và bà Lại Thị U. Cụ Danh chết năm 1973, cụ Chấn chết năm 1986, không để lại di chúc.

Xét tại thời điểm ông T cùng Vợ, con được cấp GCN năm 2002, thì bà V, bà U không tranh chấp với ông T; mãi đến năm 2009 các bên mới ra UBND xã Đ hòa giải tranh chấp, yêu cầu phân chia quyền sử dụng đất của Cha mẹ để lại. Nội dung thỏa thuận phân chia 400m²/2.200m² thuộc thửa 544, tờ bản đồ số 12 xã Đ, huyện B, chỉ có ý kiến tham gia của ông T, bà V, bà U, không có ý kiến đầy đủ của tất cả 6 thành viên trong hộ gia đình ông T (gồm vợ và các con của ông T);

Mặt khác, Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2011/DSST ngày 29/12/2011 phân chia quyền sử dụng đất (chưa có nhà), thể hiện tại bản vẽ ngày 13/10/2010 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở tài nguyên và môi trường, bà V được công nhận khu đất có chiều ngang 5,92m, bà U được công nhận khu đất có chiều ngang 5, 23m, là chưa đảm bảo điều kiện về diện tích đất tối thiểu sau khi tách thửa theo Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 25/02/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét tại phiên tòa, nguyên đơn - bà V, bà U yêu cầu hủy bỏ GCN vào sổ số 00155/QSDĐ/ĐP ngày 01/7/2002 đã cấp cho hộ gia đình ông T, để điều chỉnh 2.200m² đất thuộc thửa 544, tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện B, chuyển cho bà V 200m², bà U 200m²;

Do đó cần đưa UBND huyện B – cơ quan ban hành GCN, vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, mà không thể bổ sung được ở cấp Pc thẩm, nên hủy án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[3]. Về án phí dân sự Pc thẩm: người kháng cáo không phải chịu. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 34, 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Nghị quyết số 103/2015/QH13 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Khoản 3 Điều 30 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2011/DSST ngày 29/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện B về việc “Tranh chấp tài sản chung”.

Giữ hồ sơ tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự Pc thẩm: ông Lại Văn T không phải chịu. Hoàn tạm ứng án phí dân sự Pc thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, cho ông T theo phiếu thu số AC/2010/06861 ngày 10/01/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Bản án Pc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu